

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH THỦY  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 40 /2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 14-12- 2022

V/v “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Lương Viết Tú**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Thành Lâm;**

**Ông Đoàn Hồng Canh**

**- Thư ký phiên toà:** Bà **Hà Thị Hồng Nhung** - Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:** Ông **Hoàng Tuấn Dũng** - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu 6, xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ; (vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh **Trần Xuân T**, sinh năm 1987;

Nơi ĐKNKTT: Khu 6, xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ; Hiện đang cai nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Phú Thọ; Địa chỉ: Thôn 4, xã Yên Kiện, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ(vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo - Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:**

**- Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Trần Xuân T kết hôn với nhau vào năm 2015, đăng ký tại trụ sở UBND xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ hoàn toàn tự nguyện. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T chơi bời, nghiện chất ma túy, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 03 năm 2020 đó cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Hiện anh T đang cai

nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: Thôn 4, xã Yên Kiện, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh T để giải phóng cho bản thân.

- *Về con chung*: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Quỳnh Hương, sinh ngày 19/3/2012 và cháu Trần Thanh Phong, sinh ngày 24/11/2016. Hiện nay cả hai con chung đang sống cùng chị, ly hôn chị xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp*: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình giải quyết Tòa án xác minh anh Trần Xuân T hiện định anh T hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Phú Thọ, địa chỉ tại thôn 4, xã Yên Kiện, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ vì vậy anh T không thể đến Tòa án làm việc được. Để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và tiến hành lấy lời khai của anh T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2022 anh T khai như sau: Năm 2015 anh và chị Nguyễn Thị M có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung cùng gia đình anh. Tuy nhiên cuộc sống không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không hòa hợp. Hiện đang cai nghiện Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Phú Thọ, tại thôn 4, xã Yên Kiện, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định không còn tình cảm, chị M làm đơn xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Quỳnh Hương, sinh ngày 19/3/2012 và cháu Trần Thanh Phong, sinh ngày 24/11/2016. Ly hôn anh đồng ý giao hai con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp*: Anh khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang cai nghiện tập trung nên anh không thể đến Tòa án làm việc được, vì vậy anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

**\* *Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa (có bài phát biểu lưu trong hồ sơ)*:**

- *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Xuân T.

Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Xuân T: giao cháu Trần Quỳnh Hương, sinh ngày 19/3/2012 và cháu Trần Thanh Phong, sinh ngày 24/11/2016 cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi

*đưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 12/2022 cho đến khi cháu Hương, cháu Phong thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.*

*Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết do các bên không yêu cầu.*

*Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

### **1. Về thủ tục tố tụng:**

Quá trình giải quyết Tòa án giải quyết anh Trần Xuân T hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Phú Thọ có địa chỉ tại thôn 4, xã Yên Kiện, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ vì vậy anh T không thể đến Tòa án làm việc được. Chị M có yêu cầu không tiến hành hòa giải; do vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M và bị đơn là anh Trần Xuân T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

### **2. Về nội dung:**

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Xuân T có sự tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ vào năm 2015, đây là một hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng chị M và anh T đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do rất nhiều nguyên nhân: do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp trong công việc và cuộc sống, anh T nghiện ma túy nên không tu chí làm ăn, chăm sóc vợ con. Chị M và anh T đã sống ly thân với nhau được một thời gian dài, không ai còn quan tâm đến nhau. Anh T hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy. Nay chị M và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M đề nghị ly hôn anh T nhất trí.

Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng sống ly thân đã lâu dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hai bên đều nhất trí ly hôn. Do đó, HĐXX xét thấy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Xuân T là phù hợp.

[2] Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Xuân T đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Quỳnh Hương, sinh ngày 19/3/2012 và cháu Trần Thanh Phong, sinh ngày 24/11/2016. Hiện nay cả hai con chung đang sống cùng chị M. Ly hôn chị M xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng nhất trí giao cả hai con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX thấy rằng: Hiện nay cả hai con chung đang sống cùng chị M, cháu Hương có nguyện vọng được sống cùng mẹ, anh T hiện đang đi cai nghiện nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi dạy các con chung. Anh T cũng nhất trí giao cả hai con chung cho chị M. Vì vậy, HĐXX thấy rằng cần xử công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh T; giao cả hai con chung cho chị M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của chị M và anh T. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không có yêu cầu.

[3] Về tài sản và công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: chị M và anh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: do các bên thỏa thuận được việc ly hôn và con chung nên hai bên phải chịu một phần hai mức án phí; chị M nhận chịu cả tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định,

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo Bản án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ Khoản 3, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

\* Áp dụng: Điều 55, Điều 58, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

\* Áp dụng Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Xuân T.

2. Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Xuân T; giao cháu Trần Quỳnh Hương, sinh ngày 19/3/2012 và cháu Trần Thanh Phong, sinh ngày 24/11/2016 cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 12/2022 cho đến khi cháu Hương, cháu Phong thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: chị M và anh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M nhận chịu cả 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2020/0006077 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị Nguyễn Thị M số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hoàng Xá;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Lương Viết Tú**